| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày 20/4/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Việt Quốc*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Thanh Hùng;

Ông Lê Văn Phu.

***Thư ký phiên toà***: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/HSST ngày 13/3/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1998, tại A, An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1972; Mẹ: Lê Thị D, sinh năm: 1980; anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Những người tham gia phiên tòa:**

*Bị hại:*

Ông Trần Văn N, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Diễm H, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người làm chứng*:

Bà Lê Thị D, sinh năm: 1980. (vắng mặt )

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 11/12/2018, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định tìm xe mô tô lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện, T một mình đi bộ từ nhà hướng về thành phố C, khi đến khu vực ấp V, xã V, huyện A thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ, biển số 60L9 – 2445 của ông Trần Văn N đang dựng dưới sàn nhà của bà Lê Thị T không người trông giữ nên T đến lấy trộm xe. Lúc này, T thấy ổ khóa phía sau xe bị hỏng nên dùng tay trỏ phải móc vào ổ khóa, mở cốp lấy chìa khóa (loại chìa khóa trái khế) bên trong xe, rồi nổ máy chạy đến khu vực phường N, thành phố C thì xe thủng bánh và hết xăng nên T dẫn bộ đến quán nước bên lề đường ngồi. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 12/12/2018, trong lúc đi tuần tra lực lượng Công an phường N thấy T có nhiều biểu hiện nghi vấn nên mời T về trụ sở làm việc và xét nghiệm ma túy kết quả dương tính nên đã đưa đến Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang tại xã L, huyện T để cai nghiện.

Riêng ông N, sau khi phát hiện xe mô tô biển số 60L9 – 2445 bị mất trộm đã đến Công an trình báo sự việc. Tiếp nhận tin báo và thông tin từ Công an phường N nên ngày 13/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A đến Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang để làm việc với T thì T thừa nhận việc lấy trộm xe của anh N.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 64/KL.ĐGTSTTHS ngày 20/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ, biển số: 60L9 - 2445, số khung HC08062Y-291784, số máy HC08E0291799 (đã qua sử dụng) có giá trị 6.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2018, Nguyễn Văn T bị khởi tố để điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 13/VKS-HS ngày 13/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận: Thừa nhận hành vi lấy trộm xe mô tô BKS 60L9-2445 của ông N dựng trong sàn nhà của bà T vào tối ngày 11/12/2018. Bị cáo tìm chìa khóa xe nhưng không thấy. Do ổ khóa cốp xe bị hỏng nên bị cáo mở cốp xe thì thấy chìa khóa hình trái khế, bị cáo lấy chìa khóa đưa vào ổ khóa xe thì mở xe được. Bị cáo dắt lùi xe máy ra đường rồi nổ máy xe chạy về hướng thành phố C. Sáng ngày 12/12/2018 bị cáo bị Công an phường N bắt cùng chiếc xe. Mục đích bị cáo trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã sử dụng má túy 03 ngày trước khi bị cáo trộm xe.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn

Văn T với mức án từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên đề nghị miễn.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan và những người làm chứng, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô BKS 60L9 – 2445 của ông Trần Văn N trị giá 6.000.000 đồng nên bị cáo T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo T là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ sức lao động để nuôi sống bản thân và gia đình đủ sức làm thuê kiếm sống nhưng vì muốn có tiền mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Nghĩa được pháp luật hình sự bảo vệ.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 12/12/2018 bị cáo bị Ủy ban nhân dân phường N đưa đi cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tính chất vụ án và bị cáo là người nghiện ma túy nên cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình cũng như có thời gian để bị cáo cai nghiện ma túy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên cũng có xem xét cho bị cáo ở hành vi thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cãi, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, tài sản bị cáo trộm đã trao trả cho bị hại. Bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, ông nội của bị cáo liệt sĩ Nguyễn Văn D đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bà nội của bị cáo bà Lê Thị Đ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Trần Văn N đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường.

Vật chứng gồm: Xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60L9 – 2445. Ngày 10/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả xe này cho ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);*

*Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số*

*326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

*Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

*Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 26/12/2018.

*Về án phí*: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Mai Việt Quốc**